

Số: 2230/2026/QĐST-DS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09/6/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1214/2026/TLST-DS ngày 18/3/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV S1.

Trụ sở: 139 N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân Đ - Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H - Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV S1 Chi nhánh Q1 - PGD P. (Quyết định ủy quyền số 4080/2025/QĐ-TGD ngày 27/6/2025).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị Mai S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 17/11/2025).

Bị đơn:

1/ Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1980.

Căn cước công dân số 072080001458 cấp ngày 24/02/2023.

Địa chỉ: 3 Đ, khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Võ Hồng T**, sinh năm 1989.

Căn cước công dân số 080189000108 cấp ngày 24/02/2023.

Địa chỉ: 3 Đ, khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Võ Hồng T**: Ông **Lê Hồng Q**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 3 Đ, khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 08/6/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 **Ngân hàng TNHH MTV S1** và ông **Lê Hồng Q**, bà **Võ Hồng T** thống nhất xác nhận ông **Lê Hồng Q**, bà **Võ Hồng T** còn nợ **Ngân hàng TNHH MTV S1** tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/6/2026 là 3.510.102.096 (ba tỷ, năm trăm mười triệu, một trăm lẻ hai nghìn, không trăm chín mươi sáu) đồng; gồm:

+ Nợ gốc 1.338.680.000.000 đồng; lãi trong hạn 110.436.407 đồng, lãi quá hạn 2.044.278 đồng, tổng 1.451.160.685 đồng; phát sinh từ Hợp đồng tín dụng dài hạn số hợp đồng K.0062/1323 ngày 06/11/2023; Phụ lục hợp đồng vay số K.0062/1323-01/PLHD ngày 06/11/2023 giữa **Ngân hàng TMCP Đ1** (tên mới **Ngân hàng TNHH MTV S1**) và ông **Lê Hồng Q**, bà **Võ Hồng T**;

+ Nợ gốc 511.255.000 đồng; lãi trong hạn 41.285.123 đồng, lãi quá hạn 788.336 đồng, tổng 553.328.459 đồng; phát sinh theo Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay 03402K0062/1323-01/2024/BKRV ngày 23/01/2024 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số K.0062/1323 số K.0062/1323-01/2024/PLHD ngày 22/01/2024 giữa **Ngân hàng TMCP Đ1** (tên mới **Ngân hàng TNHH MTV S1**) và ông **Lê Hồng Q**, bà **Võ Hồng T**;

+ Nợ gốc 1.390.000.000 đồng; lãi trong hạn 113.361.016 đồng, lãi quá hạn 2.251.936 đồng, tổng 1.505.612.952 đồng; phát sinh theo Hợp đồng vay số 03401K0076/1323 ngày 27/12/2023 giữa **Ngân hàng TMCP Đ1** (tên mới **Ngân hàng TNHH MTV S1**) và ông **Lê Hồng Q**, bà **Võ Hồng T**;

2.2. **Ngân hàng TNHH MTV S1** và ông **Lê Hồng Q**, bà **Võ Hồng T** thỏa thuận ông **Lê Hồng Q** và bà **Võ Hồng T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TNHH MTV S1** tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến 09/6/2026 là 3.510.102.096 đồng nêu trên; thời hạn thanh toán chậm nhất ngày 09/10/2026.

2.3. Hết thời hạn thanh toán nêu trên nếu ông **Lê Hồng Q** và bà **Võ Hồng T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TNHH MTV S1** thì **Ngân hàng TNHH MTV S1** có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, địa chỉ **ấp P, xã P, huyện G (nay là xã P), tỉnh Tây Ninh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 253186, số vào sổ cấp GCN: CS10447 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 23/3/2023 cho bà **Võ Hồng T**.

+ Thửa đất số 407, tờ bản đồ số 24, địa chỉ ô 1, **khu phố T, thị trấn G (nay là**

phường G), tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 541037, số vào sổ cấp GCN: CS 08214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/11/2022 cho ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T;

+ Thửa đất số 695, tờ bản đồ số 61, địa chỉ ấp B, xã T, huyện G (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 717484, số vào sổ cấp GCN: CS06660 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 10/6/2020, chuyển nhượng ngày 12/6/2023 cho ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T.

2.4 Ngoài ra, kể từ ngày 10/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để trả các khoản nợ còn thiếu nêu trên thì ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TNHH MTV S1 cho đến khi hết nợ.

Trường hợp ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T trả hết số nợ nêu trên cho Ngân hàng TNHH MTV S1 thì Ngân hàng TNHH MTV S1 phải làm thủ tục giải chấp các tài sản thế chấp và trả lại các giấy tờ thế chấp cho ông Lê Hồng Q, bà Võ Hồng T theo quy định pháp luật.

2.5 Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Ngân hàng TNHH MTV S1 đã đóng tạm ứng số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 1453/TB-TA ngày 13/5/2026 nên ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T trả lại cho Ngân hàng TNHH MTV S1 số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2.6 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hồng Q và bà Võ Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.101.021 (năm mươi một triệu, một trăm lẻ một nghìn, không trăm hai mươi một) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TNHH MTV S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.197.000 (năm mươi triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009087 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 5 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Thị Ngọc Mỹ